

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 6 năm 2007

Số: 71 /QĐ-KCNC

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành "Quy trình hướng dẫn thủ tục đầu tư vào
Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh"

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
- Căn cứ Nghị định số 101/2006/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định việc đăng ký lại, chuyển đổi và đăng ký đổi Giấy chứng nhận đầu tư của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định về đăng ký kinh doanh;
- Căn cứ Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2003 của Chính phủ ban hành Quy chế Khu Công nghệ cao;
- Căn cứ Quyết định số 146/2002/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban quản lý Khu Công nghệ cao TP. HCM;
- Căn cứ Quyết định số 2301/QĐ-UBND ngày 23 tháng 05 năm 2007 của Ủy ban Nhân dân TPHCM về việc bổ trí cán bộ giữ chức Trưởng ban Ban quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh;
- Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đầu tư & Hợp tác Quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH

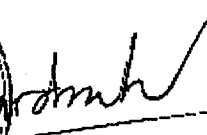
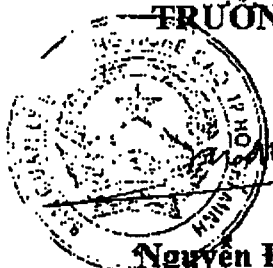
Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy trình hướng dẫn thủ tục đầu tư vào Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh".

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và bãi bỏ những quy định trước đây trái với quy định này.

Điều 3: Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng nghiệp vụ, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Ban quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận :

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Ban;
- P. QLDT;
- Lưu: (19)

TRƯỞNG BAN 

Nguyễn Đình Mai



HƯỚNG DẪN THỦ TỤC ĐẦU TƯ VÀO KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-KCNC ngày .../.../2007
của Ban quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh)

...oOo...

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

I. Đối tượng áp dụng:

Nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài có dự án đầu tư vào Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh (Khu CNC).

II. Phạm vi áp dụng:

Văn bản này hướng dẫn chi tiết quy trình, thủ tục và hồ sơ đối với các loại hình đầu tư vào Khu CNC gồm:

- Thủ tục Đăng ký đầu tư và Thẩm tra đầu tư - Chương II;
- Thủ tục Điều chỉnh dự án đầu tư - Chương III;
- Thủ tục Đăng ký đầu tư lại (chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp vốn đầu tư nước ngoài được cấp phép đầu tư trước ngày 01/07/2006) - Chương IV.

III. Nơi nhận, cung cấp thông tin, giải đáp thắc mắc và thụ lý hồ sơ:

- Phòng Quản lý Đầu tư & Hợp tác Quốc tế - Bộ phận hướng dẫn thủ tục đầu tư là nơi tiếp nhận các thông tin và thủ tục liên quan đến đầu tư vào Khu CNC.
- Trong quá trình thực hiện, nhà đầu tư có thắc mắc xin liên hệ:

Điện thoại : 08. 7360291.

Số fax : 08. 7360292.

IV. Lệ phí đăng ký đầu tư:

Theo quy định hiện hành, nhà đầu tư thực hiện đăng ký đầu tư vào Khu CNC không phải trả lệ phí cấp Giấy chứng nhận đầu tư, điều chỉnh và đăng ký lại đầu tư.

V. Thẩm định công nghệ dự án:

1. Tất cả nhà đầu tư vào Khu CNC và vào các loại dự án nêu dưới đây đều phải Giải trình công nghệ của dự án đầu tư.

a. Loại dự án cần giải trình công nghệ:

Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm công nghệ cao thuộc lĩnh vực:

- Công nghệ thông tin, truyền thông và công nghệ phần mềm tin học.
- Công nghệ sinh học phục vụ nông nghiệp, thủy sản và y tế.
- Công nghệ vi điện tử, cơ khí chính xác, cơ - điện tử, quang điện tử và tự động hoá.
- Công nghệ vật liệu mới, công nghệ nano.

b. Loại dự án cần thẩm định sơ bộ:

- Cung cấp các dịch vụ Công nghệ cao.

- Đào tạo nguồn nhân lực Công nghệ cao.
 - Trung tâm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.
 - c. Loại dự án không cần giải trình công nghệ:
 - Xây dựng và kinh doanh các công trình hạ tầng kỹ thuật; xúc tiến thương mại công nghệ cao.
 - Ươm tạo công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao: Doanh nghiệp hoặc ứng viên xin ươm tạo phải qua thủ tục xét tuyển dự án xin ươm tạo (được Hội đồng thông qua). Thủ tục quy định được nêu tại địa chỉ: www.shtp.hochiminhcity.gov.vn.
2. Trình tự thực hiện như sau:
- Nhà đầu tư nộp Bản Giải trình công nghệ: 07 bộ trong đó có 01 bộ gốc.
(theo mẫu phụ lục X, hoặc tham khảo tại địa chỉ: www.shtp.hochiminhcity.gov.vn).
 - Hội đồng Khoa học Công nghệ của Ban quản lý xem xét và đánh giá dự án.
 - ✓ Thời gian trả lời: Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc, tùy theo tính chất dự án.
 - ✓ Cơ sở đánh giá: Căn cứ tiêu chí phù hợp các lĩnh vực ngành nghề ưu tiên thu hút vào Khu CNC và Quyết định 27/2006/QĐ-BKHCN ngày 18/12/2006 của Bộ Khoa học & Công nghệ ban hành “Quy định về tiêu chuẩn xác định dự án sản xuất sản phẩm Công nghệ cao”.

CHƯƠNG II

THỦ TỤC ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ & THẨM TRA ĐẦU TƯ

Sau khi dự án đã được thông qua Giải trình công nghệ, nhà đầu tư thực hiện Đăng ký đầu tư hoặc Thẩm tra đầu tư (căn cứ vào lĩnh vực và quy mô vốn đầu tư). Đối với nhà đầu tư có vốn đầu tư nước ngoài lần đầu tiên đầu tư vào Việt Nam thì ngoài Bộ hồ sơ Đăng ký đầu tư hoặc Thẩm tra đầu tư cần phải kèm thêm hồ sơ Đăng ký kinh doanh tương ứng với mỗi loại hình doanh nghiệp (được nêu tại phần III Chương II).

I. THỦ TỤC ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ (ĐKĐT):

Đối với các Dự án có vốn đầu tư dưới 300 tỉ đồng và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện (Lĩnh vực đầu tư có điều kiện được quy định tại Điều 29 Luật Đầu tư và Phụ lục C - Nghị định 108/2006/NĐ-CP - theo Phụ lục XI).

1. Hồ sơ đầu tư: Gồm 04 bộ hồ sơ trong đó 01 bộ gốc.

Bộ hồ sơ gồm:

- a. Bản đăng ký đầu tư (theo mẫu Phụ lục I);
 - b. Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất hoặc Giấy chứng nhận Ngân hàng);
 - c. Văn bản xác nhận tư cách pháp lý của nhà đầu tư:
 - + *Đối với nhà đầu tư là tổ chức:* Nộp bản sao công chứng Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận ĐKKD hoặc các tài liệu tương đương khác và kèm bản sao y CMND, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện.
 - + *Đối với nhà đầu tư là cá nhân:* nộp bản sao công chứng hộ chiếu hoặc CMND.
- Các bản sao công chứng không quá 03 tháng kể từ ngày nộp hồ sơ.

- d. Hợp đồng Liên doanh hoặc Hợp đồng Hợp tác kinh doanh đối với hình thức đầu tư giữa nhà đầu tư trong nước và nước ngoài (theo mẫu Phụ lục II). Hợp đồng Liên doanh hoặc Hợp đồng Hợp tác kinh doanh do đại diện có thẩm quyền của các Bên liên doanh ký vào từng trang và ký đầy đủ vào cuối Hợp đồng;
 - e. Bản giải trình công nghệ, với nội dung bổ sung đầy đủ các góp ý (nếu có) đã được Hội đồng Khoa học Công nghệ thông qua.
2. **Thời gian trả lời:** Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban quản lý Khu CNC (Ban quản lý) kiểm tra và căn cứ vào lĩnh vực, ưu đãi đầu tư mà dự án đáp ứng, để cấp Giấy chứng nhận đầu tư và ghi ưu đãi đầu tư vào Giấy chứng nhận đầu tư (nếu có)

*** Đối với dự án đầu tư trong nước :**

Vốn đầu tư dưới 15 tỉ đồng và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện. Nhà đầu tư không đăng ký đầu tư, chỉ thông báo cho Ban quản lý về dự án đầu tư (theo mẫu Phụ lục III).

II. THỦ TỤC THẨM TRA ĐẦU TƯ (TTĐT):

1. Các trường hợp Thẩm tra đầu tư: có 3 trường hợp

1.1 **Trường hợp 1:** Dự án vốn đầu tư từ 300 tỉ đồng trở lên và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

Hồ sơ đầu tư: Nhà đầu tư nộp 04 bộ hồ sơ trong đó 01 bộ hồ sơ gốc.

Bộ hồ sơ gồm:

- a. Quy định tại Mục 1 phần I Chương II;
- b. Giải trình kinh tế - kỹ thuật bao gồm các nội dung chủ yếu: mục tiêu, quy mô, địa điểm đầu tư; vốn đầu tư, tiến độ thực hiện dự án; nhu cầu sử dụng đất, giải pháp về công nghệ và giải pháp về môi trường.

1.2 **Trường hợp 2:** Dự án vốn đầu tư dưới 300 tỉ đồng và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

Hồ sơ đầu tư: Nhà đầu tư nộp 04 bộ hồ sơ trong đó 01 bộ hồ sơ gốc.

Bộ hồ sơ gồm:

- a. Quy định tại Mục 1 phần I Chương II ;
- b. Bản Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng khi tham gia thị trường (theo quy định đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện).

1.3 **Trường hợp 3:** Dự án vốn đầu tư từ 300 tỉ đồng trở lên và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

Hồ sơ đầu tư: Nhà đầu tư nộp 04 bộ hồ sơ trong đó 01 bộ hồ sơ gốc.

Bộ hồ sơ gồm:

- a. Quy định tại Mục 1 phần I Chương II;
- b. Giải trình kinh tế - kỹ thuật bao gồm các nội dung chủ yếu: mục tiêu, quy

mô, địa điểm đầu tư; vốn đầu tư, tiến độ thực hiện dự án; nhu cầu sử dụng đất, giải pháp về công nghệ và giải pháp về môi trường;

- c. Bản Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng khi tham gia thị trường (theo quy định đối với dự án thuộc lĩnh vực có điều kiện).

2. **Thời gian trả lời:** Trong vòng 45 (bốn mươi lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Ban quản lý tiến hành thủ tục thẩm tra và quyết định cấp Giấy chứng nhận đầu tư.
- Hoặc Ban quản lý thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do không cấp Giấy chứng nhận đầu tư, đối với trường hợp dự án đầu tư không đủ điều kiện được chấp thuận đầu tư trong Khu CNC.

* ***Trong trường hợp:*** Dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương của Thủ tướng Chính phủ quy định tại Điều 37 Nghị định 108/2006/NĐ-CP (theo mẫu Phụ lục XII), nhà đầu tư nộp 10 bộ, trong đó có 1 bộ hồ sơ gốc. Ban quản lý thực hiện các thủ tục trình Thủ tướng và thông báo kết cho nhà đầu tư (theo quy định).

III. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ KINH DOANH : Áp dụng đối với nhà đầu tư có vốn đầu tư nước ngoài lần đầu tiên đầu tư vào Việt Nam (ngoài hồ sơ đăng ký đầu tư hoặc thẩm tra đầu tư).

Bộ hồ sơ gồm:

- a. Dự thảo Điều lệ công ty tương ứng mỗi loại hình doanh nghiệp (theo mẫu Phụ lục IV) và phải có đầy đủ chữ ký của các thành viên thành lập Công ty ;
 - b. Danh sách thành viên công ty ứng mỗi loại hình Doanh nghiệp (theo mẫu Phụ lục V);
 - c. Văn bản xác nhận vốn pháp định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với công ty kinh doanh ngành, nghề mà theo quy định của pháp luật phải có vốn pháp định ;
 - d. Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề đối với Công ty kinh doanh ngành nghề mà theo quy định của Pháp luật phải có chứng chỉ hành nghề.
- ***Trường hợp Giấy chứng nhận đầu tư đồng thời có giá trị là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Ban quản lý thực hiện việc cung cấp thông tin về nội dung đăng ký kinh doanh theo quy định tại Điều 27 của Luật Doanh nghiệp.***

CHƯƠNG III

THỦ TỤC ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

I. ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ: Bao gồm điều chỉnh về mục tiêu, quy mô, địa điểm, hình thức, vốn và thời hạn thực hiện dự án đầu tư.

II. HÌNH THỨC ĐIỀU CHỈNH:

Thực hiện theo một trong các quy trình sau:

1. Thông báo điều chỉnh dự án đầu tư.
2. Đăng ký điều chỉnh dự án đầu tư.
3. Thẩm tra điều chỉnh dự án đầu tư.

III. QUY TRÌNH THỦ TỤC ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ:

1. **Thông báo điều chỉnh dự án đầu tư:** không làm thủ tục đăng ký điều chỉnh hoặc thẩm tra điều chỉnh.

1.1 Áp dụng:

Các dự án đầu tư trong nước không điều chỉnh về mục tiêu, quy mô, địa điểm, vốn, hình thức, thời hạn; hoặc sau khi điều chỉnh dự án về mục tiêu, quy mô, địa điểm, vốn, hình thức, thời hạn, thuộc các trường hợp sau:

- ✓ Các dự án đầu tư trong nước sau khi điều chỉnh có quy mô vốn đầu tư dưới 15 tỷ đồng Việt Nam và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện.
- ✓ Các dự án đầu tư trong nước mà sau khi điều chỉnh, dự án có quy mô vốn đầu tư dưới 300 tỷ VNĐ và không thay đổi mục tiêu, địa điểm đầu tư.

1.2 Thủ tục thực hiện:

Chủ đầu tư chỉ cần thông báo cho Ban quản lý (theo Phụ lục VI)

2. Đăng ký điều chỉnh dự án đầu tư:

2.1 Áp dụng:

- ✓ Dự án sau khi điều chỉnh có quy mô vốn đầu tư dưới 300 tỷ VNĐ và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện.
- ✓ Dự án đầu tư trong nước mà sau khi điều chỉnh, dự án không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện (trừ trường hợp quy định tại điểm a mục 1 phần III của Chương này).

2.2 Hồ sơ Đăng ký: Nhà đầu tư nộp 04 bộ trong đó có 01 bộ gốc.

Bộ hồ sơ gồm:

- a. Bản đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu Phụ lục VI);
- b. Giải trình nội dung điều chỉnh;
- c. Bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) Hợp đồng liên doanh hoặc Hợp đồng hợp tác kinh doanh, hoặc điều lệ doanh nghiệp (đối với dự án có vốn đầu tư nước ngoài);
- d. Báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời điểm điều chỉnh (theo mẫu phụ lục VII).

2.3 Thời gian trả lời: Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban quản lý cấp Giấy chứng nhận điều chỉnh đầu tư.

3. Thẩm tra điều chỉnh dự án đầu tư:

3.1 Áp dụng:

- ✓ Dự án vốn đầu tư nước ngoài sau khi điều chỉnh thuộc diện thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư.
- ✓ Dự án vốn đầu tư trong nước sau khi điều chỉnh dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

3.2 Hồ sơ thẩm tra điều chỉnh: Nhà đầu tư nộp 04 bộ trong đó có 01 bộ gốc.

Bộ hồ sơ gồm:

- a. Bản đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu Phụ lục VI);

- b. Giải trình lý do điều chỉnh, những thay đổi so với nội dung đã thẩm tra khi cấp Giấy chứng nhận đầu tư;
 - c. Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng khi tham gia thị trường quy định đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện;
 - d. Báo cáo tình hình thực hiện dự án tại thời điểm điều chỉnh (theo mẫu Phụ lục VII);
 - e. Bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) Hợp đồng Liên doanh hoặc Hợp đồng Hợp tác kinh doanh hoặc Điều lệ doanh nghiệp (đối với dự án có vốn đầu tư nước ngoài).
- 3.3 **Thời gian trả lời:** Trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban quản lý tổ chức thẩm tra nội dung điều chỉnh và cấp Giấy chứng nhận điều chỉnh đầu tư.
- * Trường hợp dự án đầu tư sau khi điều chỉnh trở thành dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ đối với lĩnh vực đầu tư chưa có trong quy hoạch hoặc chưa có điều kiện đầu tư được pháp luật quy định, thì Ban quản lý trình Thủ tướng Chính phủ quyết định trước khi điều chỉnh, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đầu tư.
 - * Trường hợp nội dung điều chỉnh liên quan đến lĩnh vực đầu tư có điều kiện, Ban quản lý lấy ý kiến thẩm tra của Bộ, ngành có liên quan trước khi điều chỉnh, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đầu tư.

CHƯƠNG IV

THỦ TỤC ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ LẠI

(Áp dụng Doanh nghiệp vốn đầu tư nước ngoài được cấp Giấy phép đầu tư trước 01/07/2007)

I. ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ LẠI:

1. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được Ban quản lý cấp Giấy phép đầu tư có quyền quyết định thực hiện theo một trong hai cách sau:
 - Đăng ký lại và tổ chức quản lý, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư (trong vòng 02 năm kể từ 01/07/2006).
 - Không đăng ký lại, trường hợp này Doanh nghiệp được hoạt động trong phạm vi ngành nghề, thời hạn quy định tại Giấy phép đầu tư đã cấp và tiếp tục được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của Chính phủ.
2. Trường hợp không đăng ký lại, khi có nhu cầu điều chỉnh Giấy phép đầu tư, nhà đầu tư làm thủ tục tại Ban quản lý.
 Trường hợp thực hiện dự án đầu tư mới trong phạm vi ngành nghề quy định tại Giấy phép đầu tư, Doanh nghiệp làm thủ tục tại Ban quản lý nơi thực hiện dự án đầu tư mới (theo mẫu Phụ lục - IX).

II. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ DOANH NGHIỆP THỰC HIỆN ĐĂNG KÝ LẠI VÀ KHÔNG ĐĂNG KÝ LẠI:

1. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đăng ký lại:

1.1 Doanh nghiệp đăng ký lại kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ khác của doanh nghiệp trước khi đăng ký lại.

1.2 Doanh nghiệp đăng ký lại có các quyền sau đây:

- Được hoạt động theo nội dung quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư.
- Được giữ lại tên của doanh nghiệp, con dấu, tài khoản, mã số thuế đã đăng ký.
- Có các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư.

1.3 Doanh nghiệp đăng ký lại có nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư.

2. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp không đăng ký lại:

2.1 Doanh nghiệp không đăng ký lại có quyền:

- Được tiếp tục hoạt động theo Giấy phép đầu tư đã cấp và Điều lệ doanh nghiệp; được đề nghị điều chỉnh Giấy phép đầu tư trong trường hợp cần thiết trừ việc điều chỉnh ngành, nghề kinh doanh và thời hạn hoạt động.
- Được giữ lại tên doanh nghiệp, con dấu, tài khoản và mã số thuế đã đăng ký.
- Có các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư.

2.2 Doanh nghiệp không đăng ký lại có nghĩa vụ:

- Chỉ được hoạt động trong phạm vi ngành nghề, thời hạn hoạt động quy định tại Giấy phép đầu tư đã cấp. Giấy phép đầu tư đã cấp đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư và pháp luật liên quan.

III. THỦ TỤC ĐĂNG KÝ LẠI:

1. Hồ sơ đăng ký: Nhà đầu tư nộp 04 bộ trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc.

Doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác về nội dung hồ sơ đăng ký lại.

Bộ hồ sơ gồm:

- a. Bản đề nghị đăng ký lại doanh nghiệp do đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký (theo mẫu Phụ lục VIII);
- b. Dự thảo Điều lệ doanh nghiệp sửa đổi phù hợp với quy định của pháp luật về doanh nghiệp (theo mẫu Phụ lục IV);
- c. Báo cáo tình hình thực hiện dự án (theo mẫu Phụ lục VII).
- d. Trường hợp khi đăng ký lại, doanh nghiệp có yêu cầu điều chỉnh các nội dung liên quan đến đăng ký kinh doanh và dự án đầu tư, thì trong hồ sơ nói trên còn bao gồm các tài liệu mà pháp luật quy định tương ứng với nội dung điều chỉnh.

2. Thời gian trả lời:

- Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban quản lý xem xét và cấp Giấy chứng nhận đầu tư.
- Nếu từ chối hoặc có yêu cầu sửa đổi, bổ sung thì thông báo rõ lý do với doanh nghiệp bằng văn bản.

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH